

Bản án số: 37 /2023/DS-ST
Ngày: 11 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Quang

2. Ông Nguyễn Trần Quyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:**
Không có.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2023, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số X, đường Lê Thị Hồng G, khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Chị Dương Thị Kim H, sinh năm 1983 (Có mặt)

2. Anh Trần Minh Tùng E, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm P, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày: Vào ngày 15/8/2022 vợ chồng H có hỏi vay của ông số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để làm ăn kinh tế gia đình, có làm biên nhận nợ nhưng sau đó vợ chồng H không thể trả đúng hạn. Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E liên đới trả nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, ông Thành trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông yêu cầu vợ chồng chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E liên đới trả nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Dương Thị Kim H trình bày tại Bản khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Chị thừa nhận trước đây chị có hỏi vay tiền của ông Nguyễn Duy T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) mục đích để làm ăn kinh tế gia đình (Mua bán heo) nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả cho ông T đúng hạn được. Nay ông T khởi kiện thì chị đồng ý trả, chồng chị cũng đồng ý trả nợ nhưng bận công việc nên không đến Tòa án được.

- Bị đơn anh Trần Minh Tùng E được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Duy T khởi kiện bị đơn chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E yêu cầu chị Kim H và anh Tùng E liên đới trả số tiền vay còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Minh Tùng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng anh Trần Minh Tùng E vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn anh Trần Minh Tùng E theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

[2] Xét việc nguyên đơn ông Nguyễn Duy T khởi kiện yêu cầu chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E liên đới trả cho ông số tiền vay còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo Biên nhận nợ ngày 15/8/2022 được chị Dương Thị Kim H xác nhận là chữ ký tên trong Biên nhận ngày 15/8/2022 là của chị Hường và đồng ý trả số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền nợ cho ông Nguyễn Duy T. Đồng thời chị H trình bày số tiền mượn của ông T là để làm ăn kinh tế gia đình (mua bán heo) chồng chị là anh Trần Minh Tùng E cũng đồng ý trả số nợ trên cho ông T nhưng do anh bận đi làm không đến Tòa

án được. Do đó xét thấy việc ông T yêu cầu chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E phải liên đới trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 15/8/2022 không yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T được chấp nhận nên bị đơn chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông T không phải chịu tiền án phí đồng thời ông là người cao tuổi nên ông T được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông Nguyễn Duy T không phải nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T.

Buộc bị đơn chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E phải liên đới nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy T số tiền nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Duy T cho đến khi thi hành án xong, chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc chị Dương Thị Kim H và anh Trần Minh Tùng E phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000đ đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Duy T không phải nhận lại tiền tạm ứng án phí do ông là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm

đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Quang – Nguyễn Trần Quyết

Phan Thị Mỹ Dung